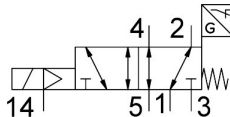
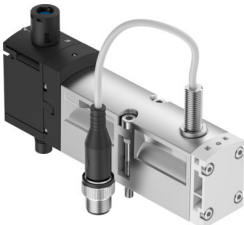


Van điện từ VSVA-B-M52-MZTR-A1-1T1L-APX-0.5

Số bộ phận: 8033034



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Chức năng van	5/2 đơn ổn định
Kiểu vận hành	điện
Chiều rộng lắp đặt	26 mm
Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343)	1100 l/ph
Cổng nối làm việc bằng khí nén	Kích thước tấm kết nối 26 mm theo ISO 15407-2 G1/4
Áp suất vận hành	-0.09 MPA...1 MPA -0.9 bar...10 bar
Cấu trúc xây dựng	thanh trượt pít tông
Kiểu cài đặt lại	lò xo cơ học
Dấu hiệu KC	KC-EMV
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị EMC của EU
Mức độ bảo vệ	IP65 NEMA 4
Chiều rộng định mức	9 mm
Chức năng khí xả	có thể điều tiết thông qua tấm tiết lưu qua để van
Nguyên lý bít	mềm
Vị trí lắp đặt	bất kì
Nút ghi đè	Phát hiện qua phụ kiện quét
Kiểu điều khiển	điều khiển trước
kiểm soát cung cấp không khí	bên ngoài
Hướng dòng chảy	bất kì
Nguyên tắc đo lường	cảm ứng
Xếp chống	gối chống dương
Cảm biến bảo vệ phân cực ngược	cho tất cả các cổng nối điện
Hiển thị trạng thái tín hiệu	Đèn LED
Truy vấn vị trí chuyển mạch	Vị trí nghỉ ngơi với cảm biến
Hiển thị trạng thái chuyển mạch cảm biến	Đèn LED
Áp suất điều khiển	0.3 MPA...1 MPA 3 bar...10 bar

Đặc tính	Giá trị
Van lưu lượng	1400 l/ph
Lưu lượng van trên tấm kết nối đơn	1200 l/ph
Lưu lượng van khí nén dạng chuỗi dòng được tối ưu hóa	1350 l/ph
Van lưu lượng liên kết khí nén	1100 l/ph
Thời gian chuyển mạch tắt	54 ms
Thời gian chuyển mạch bật	20 ms
Van - thời gian chuyển đổi cảm biến bật	60 ms
Van - thời gian chuyển đổi cảm biến tắt	11 ms
Thời gian bật	100%
Xung thử nghiệm dương tính tối đa với tín hiệu 0	1200 μ s
Xung thử nghiệm âm tối đa với 1 tín hiệu	1100 μ s
Điện áp hoạt động danh định DC	24 V
Đầu ra chuyển mạch	PNP
Giá trị đặc trưng cuộn dây	24 V DC: 1,6 W
Độ chịu điện áp xung	2.5 KV
mức độ ô nhiễm	3
Dao động điện áp cho phép	+/- 10 %
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)
Khả năng chống rung	Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6
chống sốc	Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27
Lớp chống ăn mòn KBK	0 - không ứng suất ăn mòn
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B1/B2-L
Nhiệt độ trung bình	-5 °C...50 °C
Độ ẩm tương đối	0 - 90 %
Mức áp suất âm thanh	85 dB(A)
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-5 °C...50 °C
Mô-men xoắn siết tối đa cho bộ phận gắn van	1,8 N m...2,2 N m
trọng lượng sản phẩm	281 g
Dải điện áp hoạt động DC cảm biến	10 V...30 V
Cảm biến điện trở ngắn mạch	theo chu kỳ
Cảm biến dòng điện không tải	10 mA
Dòng điện đầu ra tối đa cảm biến	200 mA
Tần số chuyển mạch tối đa cảm biến	5000 Hz
Sóng dư cảm biến	± 10 %
Sụt áp cảm biến	2 V
Cổng nối điện	4 chân Phích cắm theo ISO 15407-2
kết nối cảm biến	Giắc cắm Cáp 4 chân M12x1 0,5 m
Kiểu gắn	trên tấm kết nối
Cổng nối khí điều khiển 12/14	Kích thước tấm kết nối 26 mm theo ISO 15407-2
Cổng nối kiểm soát khí thải 82/84	được gom không được gom tùy ý:
Cổng nối khí nén 1	Kích thước tấm kết nối 26 mm theo ISO 15407-2
Cổng nối khí nén 2	Kích thước tấm kết nối 26 mm theo ISO 15407-2
Cổng nối khí nén 3	Kích thước tấm kết nối 26 mm theo ISO 15407-2
Cổng nối khí nén 4	Kích thước tấm kết nối 26 mm theo ISO 15407-2
Cổng nối khí nén 5	Kích thước tấm kết nối 26 mm theo ISO 15407-2

Đặc tính	Giá trị
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu của phốt	FPM NBR
Vật liệu vỏ	Nhôm đúc áp lực PA
Vật liệu vít	Thép mạ, kẽm
Chức năng phần tử chuyển mạch	Cơ cấu mở